

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TD1	7:25	6+16	0+0		0+16	0+0	
2		P6+CLO	7:25	5+17	0+0		0+21	0+0	
3		RP3+TD1+CLO	9:25	17+4+0	0+0		0+13+4	0+0	

TTĐĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2020	TO: AMD - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN SINH	AMD	28-29	2	12		82	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TOAN	AMD	27	1	9		64	NHA THAU	Vietnamese
3	LE VAN THIEN	AMD	31	1	15		57	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THAO	AMD	30	1	5		61	NHA THAU	Vietnamese
5	HA HUY SON	AMD	76-77	2	15		50	NHA THAU	Vietnamese
6	PHAN THANH TAI	TD1	65	1	5	60	55	DVL	Vietnamese
7	UVAISHOV A.X	TD1					105	KHOAN	Russian
8	NGUYEN VAN DUNG	TD1	48	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN MINH	TD1	49	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE TRONG LUONG	TD1	64	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM CONG TIEN	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HAI-PVD	TD1	52	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN DUY	TD1	62-63	2	9		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THANG	TD1	61	1	14		50	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN NINH	TD1	53-54	2	12		79	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VAN HOI	TD1	55,59	2	7		71	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN CONG TAM	TD1	51	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TU DO	TD1	46	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUNG	TD1	47	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN LAM GIANG	TD1	50	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
22	DINH QUANG CHIEN	TD1	60	1	11		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	7	56	314	0	2		
2	TD1	17	17	113	1.204	60	17		
TOTAL		22	24	169	1.518	60	19		
WEIGHT KG				169	1.518	60			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P6 - CLO	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU SUNG BA	P6	23-24	2	8	30	63	XAY LAP	Vietnamese
2	TRAN HUU NGHI	P6	400	1	7	22	58	XAY LAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUOC	P6	59-60	2	13		72	XAY LAP	Vietnamese
4	HA DUC KHANH	P6	97-98	2	16		67	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOI	P6	96,99	2	20		63	XAY LAP	Vietnamese
6	TRAN NAM DAI	P6	25-26	2	14		60	XAY LAP	Vietnamese
7	DATSKO PAVEL	CLO	88	1	10	12	110	KHOAN	Russian
8	ĐOAN MINH TRUNG	CLO	99	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG THANH	CLO	90	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	89	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH NGOC BINH-PVD	CLO	92	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
12	BUI KIM DAT-PK-PVD	CLO	95	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	CHU ĐỨC AI	CLO	97-98	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	87	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VAN SON	CLO	200	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HUYNH TRUNG	CLO	44	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	96	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG UT-SCHLUM	CLO	198,199	2	19		75	SCHLUMB	Vietnamese
19	VÔ TÂN HÒA-SCHLUM	CLO	45-46	2	17		70	SCHLUMB	Vietnamese
20	TRỊNH TIẾN DŨNG-SCHLUM	CLO	196,197	2	21		83	SCHLUMB	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	CLO	93-94	2	24		70	T-TIN	Vietnamese
22	PHAN MINH TUÂN	CLO	91	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	6	11	78	383	52	1		
2	CLO	16	21	197	1.220	12	21		
TOTAL		22	32	275	1.603	64	22		
WEIGHT KG				275	1.603	64			

GRAND TOAL: 1.942 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: RP3 - TD1	CREW: Vận - N.Anh - Năm	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU HUNG	RP3	69	1	10	3	79	COKHI-DK	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ HUNG	RP3	65	1	9	26	64	D-HANH	Vietnamese
3	PHUNG QUANG THANG	RP3	63	1	6	8	74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	RP3	75	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	ROGINSKY	RP3	51	1	10		110	ANTOAN	Russian
6	PHẠM ĐỀ	RP3	70	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TOÀN	RP3	66-67	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN SANH TRƯỞNG	RP3	48-49	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN TUẤN	RP3	61	1	15	15	62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TUẤN	RP3	57-58	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HOÀN	RP3	71-72	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
12	NHÂM NGỌC THANH	RP3	53-54	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	RP3	64	1	11		90	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐIỀU VĂN THÔNG	RP3	59-60	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG ANH THẦN	RP3	50,52	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC NAM	RP3	73-74	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHU	RP3	56	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP3	55	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
19	VU PHUONG HUY	RP3	68	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KIỆM	TD1	400	1	12		70	D-HANH	Vietnamese
21	TRẦN ANH VINH	TD1	99	1	7		60	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	98	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	27	264	1.370	52	1		
2	TD1	3	3	24	185	0	13		
TOTAL		22	30	288	1.555	52	14		
WEIGHT KG				288	1.555	52			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+P1	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
2		P5+BK3+BK5	7:25	21+0+1	0+0+0		19+0+3	0+0+0	CHUYỂN 2 BK3 BK5
3		P2+RP2+RP3	7:25	22+0+0	0+0+0		15+6+1	0+0+0	CHUYỂN 1 P2- RP3
4		TD2	7:25	17	0		13	0	
5		P1+PPD	9:25	13+9	0+0		4+18	0+0	
6		AMD+P8+BK8	9:25	15+0+7	0+0+0		0+5+6	0+0+0	
7		P6+P3+P2	9:25	6+6+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
8		BK6+BK5+RC3	11:25	7+13+2	0+0+0		5+9+7	0+0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VE TRONG NGÀY BK6-1NG



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: BK6 - P1	CREW: VThắng - Hồi - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARKHIPOV	BK6	84	1	2	50	95	ANTOAN	Russian
2	LÊ VĂN LONG	BK6	85	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC AN	BK6	86-87	2	14		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN BẢO CHUÔNG	P1	28	1	15	80	67	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN ỨT	P1	29,86	2	10		60	T-TIN	Vietnamese
6	VŨ VIỆT THANH	P1	27	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN QUÝ	P1	87	1	8		107	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	16	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THẮNG	P1	21	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN THẮNG	P1	18	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	22	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	VI KHẮC THANH	P1	19	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN TUẤN	P1	20	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU CHUNG	P1	24	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ DUY KHÁNH	P1	25	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG TIỀN	P1	88	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TỰ	P1	17	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HUY NGHIỆP	P1					72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	23	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	3	4	21	250	50	0		
2	P1	19	17	113	1.325	80	22		
TOTAL		22	21	134	1.575	130	22		
WEIGHT KG				134	1.575	130			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P5 - BK3 - BK5	CREW: Vận - NPhú - THỤ	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.S	P5	20	1	5	80	67	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P5	01-02	2	8		63	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	P5	23	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG ĐẠI NGHĨA-PVD	P5					80	KHOAN	Vietnamese
5	NG DINH CHUNG	P5	10	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM QUANG NGU	P5	03	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	P5	04	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN HOA	P5	18	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGÂN	P5	13-14	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN HUY	P5	15	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN SƠN	P5	08-09	2	13		57	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG-PVDT	P5	19	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	P5	12	1	14		90	DVL	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN CHUNG	P5	05	1	17		75	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI ĐĂNG	P5	16-17	2	15		83	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH THAO	P5	22	1	16		70	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P5	24-25	2	12		65	DVL	Vietnamese
18	VŨ VĂN TRUNG	P5	21	1	13		74	DVL	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	06-07	2	18		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TOÀN TRI	P5	11	1	5		61	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P5					87	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN KHẮC QUỐC	BK5	56-57	2	11	35	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	25	186	1.523	80	19		CHUYEN 2 KH TU BK3-BK5
2	BK3	0	0	0	0	5	0	2	
3	BK5	1	2	11	69	35	3		
TOTAL		22	27	197	1.592	120	22		
WEIGHT KG				197	1.592	120			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: P2 - RP2 - RP3	CREW: ĐỨC - MTHAO - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV	P2	45-46	2	14		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN SON TRƯỜNG	P2				100	65	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MINH ĐỨC	P2	48	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC HIỀN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAC ĐỨC HUY	P2	49	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH BÁ ĐỒNG	P2	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	52	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN TỬ	P2	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN HIỆU	P2	63	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN NAM	P2	54	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	53	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	58	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	62	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THỌ DŨNG	P2	65	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN HUNG	P2	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	60	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HA	P2	59	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	K. LING	P2	47	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TÀNG MẠNH HA	P2	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	64	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	21	119	1.506	100	15	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG RP3
2	RP2	0	0	0	0	20	6		
3	RP3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	119	1.506	120	22		
WEIGHT KG				119	1.506	120			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	TO: TD2	CREW: HHai - CÔNG	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	52	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TÍNH	TD2	56-57	2	12		69	MI-SWAS	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG	TD2	70	1	10	22	78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH ANH	TD2	68	1	4	20	68	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	54	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN HUY	TD2	53	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	72	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
8	NG. QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	62	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	58	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	55	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD2	71	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	64	1	7	17	75	DVL	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	66	1	12		67	DVL	Vietnamese
14	BUI HUU TRI	TD2	60	1	4		59	GETRACO	Vietnamese
15	VŨ TUẤN ANH	TD2	63	1	6		64	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT TÂM	TD2	61	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CHINH	TD2	59	1	5		51	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	18	105	1.123	59	13		
TOTAL		17	18	105	1.123	59	13		
WEIGHT KG				105	1.123	59			

GRAND TOAL: 1.287 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: P1 - PPD	CREW: VThắng - Hôi - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	97	1	5	55	75	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐĂNG PHONG	P1	60	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG YÊN	P1	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH HIẾU	P1	96	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	99,800	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1					58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P1	61	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUÂN VIỆT	P1	98	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
9	HẠP TIẾN HẢI	P1	12-13	2	15		79	T-TIN	Vietnamese
10	LƯU QUỐC ĐẠT	P1	14-15	2	9		66	T-TIN	Vietnamese
11	ĐÌNH TIẾN DŨNG	P1	10-11	2	13		75	T-TIN	Vietnamese
12	LÊ HUY TÂN	P1	62	1	5		65	YTE	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	48	1	6	40	65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	43	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN MAI	PPD	52-53	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	PPD	55-56	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	PPD	54	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC PHÁT	PPD	57-58	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TOÀN	PPD	50	1	8		82	T-TIN	Vietnamese
20	HỒNG PHƯỚC SANG	PPD	51	1	5		60	T-TIN	Vietnamese
21	HOANG VAN LINH	PPD	49	1	7	20	60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	15	82	845	55	4		
2	PPD	9	12	103	606	60	18		
TOTAL		21	27	185	1.451	115	22		
WEIGHT KG				185	1.451	115			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: AMD - P8 - BK8	CREW: Vận - NPhú - THỤ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUYNH CUÔNG	AMD	43-44	2	22	15	75	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	38-39	2	20		67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LÊM	AMD	41	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
4	HOÀNG ĐỨC HAI	AMD	37	1	13		67	CODIEN	Vietnamese
5	HÀ QUANG HUY	AMD	35	1	8	22	68	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ THANH BỘ	AMD	36	1	6		54	CODIEN	Vietnamese
7	DOÀN VĂN HUNG	AMD	46	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
8	HOÀN MỸ TÙNG	AMD	47-48	2	13		80	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC LAM	AMD	45	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN KHOA	AMD	51-52	2	22		60	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH ĐỨC QUÂN	AMD	53-54	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH CÔNG HOÀNG	AMD	49-50	2	15		63	PSV	Vietnamese
13	TRẦN CAO TĂNG	AMD	40	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	DO ANH TU	AMD	32-33	2	15		77	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYEN HOAI VU	AMD	34	1	12		65	NHATHAU	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8					80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	23	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM MINH DƯƠNG	BK8	22	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN THẬP	BK8	31-32	2	14		57	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH SƠN	BK8	25	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TĂNG TIẾN TOÀN	BK8	26	1	12	46	80	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SỰ	BK8	24	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	22	192	1.011	37	0		
2	P8	0	0	0	0	0	5		
3	BK8	7	7	45	506	46	6		
TOTAL		22	29	237	1.517	83	11		
WEIGHT KG				237	1.517	83			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: P6 - P3 - P2	CREW: Hạnh - Mạnh - Huy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	P6	74	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BẮC	P6	99	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI HÒA	P6	27	1	11	45	56	CODIEN	Vietnamese
4	ĐÌNH TÙNG LÂM	P6	75	1	5	27	66	T-TIN	Vietnamese
5	LÊ TRUNG HIẾU	P6	76	1	8		63	T-TIN	Vietnamese
6	VŨ VIỆT SƠN	P6	77	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
7	LÊ HỮU TUƠNG	P3	60	1	6		60	CODIEN	Vietnamese
8	TRỊNH HOÀI ĐỨC	P3	62	1	10	23	70	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN PHI BẰNG	P3	63	1	10	36	64	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN LINH	P3	64	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HÀM CHUNG	P3	65	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM ANH TỬ	P3	66-67	2	7		76	GETRACO	Vietnamese
13	TÔ TIẾN HÙNG	P3	59,61	2	10		75	COKHI	Vietnamese
14	TUƠNG ANH CẠC	P2	78	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SINH TÂM	P2	73	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGỌC DŨNG	P2	76	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC LÂM	P2	72	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	75	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HÙNG	P2	74	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TỊNH	P2	71	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ARTIUSHIN	P2	79	1	15		94	ANTOAN	Russian
22	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	P2	77	1	6		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	6	6	45	381	72	0		
2	P3	7	9	61	486	59	0		
3	P2	9	9	60	650	0	22		
TOTAL		22	24	166	1.517	131	22		
WEIGHT KG				166	1.517	131			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	TO: BK6 - BK5 - RC3	CREW: VThắng - MTHAO - QTrưởng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU QUYNH AN	BK6	97	1	8		105	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐỨC LINH	BK6	94-95	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HUY	BK6	91-93	3	20		66	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	98	1	4		65	PSV	Vietnamese
5	VŨ LÊ HUNG	BK6	22-23	2	10		53	SINH HUN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG TU	BK6	99	1	9	35	62	SINH HUN	Vietnamese
7	TÔ VŨ DŨNG	BK6	96	1	6		55	SINH HUN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	71-72	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HỮU LINH	BK5	62	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN XUÂN CƯƠNG	BK5	74	1	13		72	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DŨNG	BK5	873	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ HUY BẠC	BK5	73	1	9		69	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN KHANH HUNG	BK5	872	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
14	PHAN ĐÌNH HỌC	BK5	63	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN QUANG	BK5	69	1	10		75	PVE	Vietnamese
16	HÀN VĂN GIÁO	BK5	64	1	7		80	PVE	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HẢI	BK5	65	1	8		90	PVE	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK5	68	1	7		61	PVE	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HA	BK5	66-67	2	12		61	PVE	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC THẮNG	BK5	70	1	7		70	PVE	Vietnamese
21	VŨ NGỌC CANH	RC3	56-57	2	16	45	78	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG PHÚC	RC3	58-59	2	19	10	15	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	11	65	466	35	5		
2	BK5	13	15	116	924	0	9		
3	RC3	2	4	35	93	55	7		
TOTAL		22	30	216	1.483	90	21		
WEIGHT KG				216	1.483	90			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN